TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/DS-ST
Ngày 06-4-2018
v/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Ông Lê Viết Kiên
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Hạnh
Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền, là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hiếu - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số**:** 470/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2017 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/3/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn**:** Ông Võ Xuân T và Nguyễn Thị Ngh- (có mặt)
Địa chỉ: Thôn 8, xã C, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn**:** Bà Phạm Thị L - (có mặt)
Địa chỉ: Thôn 8, xã C, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Người làm chứng: Ông Võ Xuân Th- (có mặt)
Địa chỉ: Thôn 8, xã C, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Võ Xuân T và Nguyễn Thị Ngh trình bày như sau:

Do là hàng xóm quen biết nhau nên vợ chồng tôi và bà Phạm Thị L có cùng nhau vay vốn tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 160.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số HQ201414, ngày 11/7/2014, lãi suất: 13%/năm, mục đích: Chăn nuôi dê và cà phê. Để đảm bảo khoản vay trên chúng tôi thế chấp tài sản là Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 241181490 do UBND Tp. Buôn Ma Thuột cấp ngày 13/5/2010, thửa đất tại Thôn 8, xã Cư Êbur, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, mang tên Võ Xuân T. Khi ký hợp đồng vay vốn với ngân hàng thì vợ chồng tôi (Võ Xuân T và Nguyễn Thị Ngh) là người ký kết hợp đồng vay vốn. Trong khoản vay nói trên, theo thỏa thuận với bà L thì vợ chồng tôi vay 65.000.000 đồng, còn bà L vay 95.000.000 đồng. Ngày 30/6/2015 bà L có viết giấy vay tiền cho vợ chồng tôi vay số tiền 95.000.000 đồng, lãi suất là 1%/tháng hẹn trong thời hạn 1 năm thì trả. Phần này đã thanh toán xong rồi tiếp tục vay tiếp của năm 2016. Ngày 07/7/2016 bà L có viết giấy vay tiền cho vợ chồng tôi số tiền 95.000.000 đồng, lãi suất theo hợp đồng tín dụng ngày 08/7/2016, hẹn trong thời hạn 01 năm thì trả. Từ khi vay vốn cho đến ngày 21/09/2017 vợ chồng tôi đã trả toàn bộ tiền gốc là 160.000.000 đồng và lãi suất cho ngân hàng. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ với ngân hàng chúng tôi đã lấy lại giấy chứng nhận QSD đất số 241181490 về nhà. Tuy nhiên, về phần nợ của bà L là 95.000.000 đồng, bà L chưa trả phần nợ của bà L cũng như lãi suất phát sinh trên khoảng vay trên của bà L cho chúng tôi.

Về phần đã trả lãi mà ngân hàng cung cấp cho Tòa án tôi xác định tôi đứng tên trong hợp đồng thì phải ghi tên tôi trả lãi, tuy nhiên phần lãi của cô L vay (95.000.000 đồng) thì cô L đưa tiền cho tôi trả, khi đưa tiền thì không ghi giấy tờ gì, có lúc thì cô L đi trả ngân hàng tiền lãi, do đó tôi không có tranh chấp về phần đã trả lãi ngân hàng.

Về giấy xác nhận ngày 13/8/2017 tôi (Ngh) và con tôi là Th có xác nhận trong giấy do cô L viết, xác nhận bà L trả nợ ngân hàng số tiền 41 triệu, đây là tiền lãi của cô L trả cho ngân hàng của các năm từ 2014 đến 2016 và tiền dịch vụ đáo hạn. Cô L có đưa cho vợ chồng tôi 40.000.000 đồng, tuy nhiên chúng tôi không nhận vì lý do nợ 95.000.000 đồng mà trả 40.000.000 thì tôi không nhận và ký xác nhận nội dung có mang 40.000.000 đồng trả nhưng không nhận. Cô L cho rằng đã trả cho tôi 41.000.000 đồng trong số tiền gốc là không đúng.

Nay vợ chồng tôi vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị L hoàn trả cho chúng tôi số tiền vay vốn ngân hàng chung với chúng tôi, cụ thể, nợ gốc: 95.000.000 đồng và lãi suất theo lãi xuất ngân hàng từ ngày 22/9/2017 cho đến khi trả xong nợ.

Bị đơn bà Phạm Thị L trình bày như sau:

Do là hàng xóm quen biết nhau nên tôi và vợ chồng ông Võ Xuân T, bà Nguyễn Thị Ngh có cùng nhau vay vốn tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 100.000.000 đồng, sau đó vay thêm, đến năm 2014, tổng số tiền vay vốn là 160.000.000 đồng, lãi suất: 13%/năm, mục đích: Chăn nuôi dê và cà phê. Để đảm bảo khoản vay trên chúng tôi thế chấp tài sản là Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 241181490, thửa đất tại Thôn 8, xã Cư Êbur, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, mang tên Võ Xuân T. Khi ký hợp đồng vay vốn với ngân hàng thì vợ chồng ông Võ Xuân T, bà Nguyễn Thị Ngh là người ký kết hợp đồng vay vốn.

Trong khoản vay nói trên, theo thỏa thuận giữa các bên thì vợ chồng ông Tám, bà Ngh vay 65.000.000 đồng, còn tôi vay 95.000.000đồng.

Ngày 30/6/2015 tôi có viết giấy vay tiền cho ông T vay số tiền 95.000.000 đồng lãi suất là 1%/tháng hẹn trong thời hạn 1 năm thì trả (phần này đã trả sau đó vay lại).

Ngày 07/7/2016 tôi có viết giấy vay tiền cho ông T vay số tiền 95.000.000 đồng lãi suất theo hợp đồng tín dụng ngày 08/7/2016, hẹn trong thời hạn 01 năm thì trả.

Từ khi vay vốn cho đến nay, tôi đã trả lãi suất cho ngân hàng từ năm 2014 đến 2016 theo đúng hợp đồng đã ký phần tiền của tôi vay là 95.000.000 đồng, tiền lãi suất tôi đã trả cho ngân hàng cụ thể là bao nhiêu thì tôi không nhớ vì lãi suất ngân hàng mỗi năm mỗi khác và sau khi trả tôi đưa lại biên lai của ngân hàng cho ông Tám. Do đó tôi không có tranh chấp về phần lãi đã trả cho ngân hàng.

Đến ngày 13/8/2017, tôi có cầm số tiền 40.000.000 đồng để trả gốc cho vợ chồng ông Tvà yêu cầu xác nhận tôi đã trả cho ông T và bà Ngh số tiền trong 03 năm từ 2014 đến 2016 số tiền là 41.000.000 đồng (có xác nhận của bà Ngh và ông Võ Xuân Th là (con trai ông T) ngày 13/8/2017). Theo như biên bản ghi lời khai ngày 01/11/2017 tôi nói trả lãi là không đúng mà tiền trả cho ông T trả ngân hàng để trừ dần vào khoản nợ gốc. Tuy nhiên ông T và bà Ngh không nhận mà đòi tôi phải trả đủ 95.000.000 đồng, nhưng tôi không đồng ý vì đã trả 41.000.000 đồng rồi.

Nay ông T và bà Ngh kiện tôi số tiền là 95.000.000 đồng thì tôi không đồng ý vì tôi đã trả số tiền 41.000.000 đồng, tôi chỉ chấp nhận trả 44 triệu đồng và lãi suất từ ngày 22/9/2017 cho đến khi trả xong nợ.

Người làm chứng ông Võ Xuân Th trình bày:

Tôi là con của ông Võ Xuân T và bà Nguyễn Thị Ngh. Ngày 13/8/2017 tôi có xác nhận trong giấy do bà L viết nội dung có mang số tiền 40.000.000 đồng trả cho

bố mẹ tôi nhưng bố mẹ tôi không nhận với lý do nợ số tiền 95.000.000 đồng nhưng trả 40.000.000 đồng. Ngoài ra tôi không biết việc trả lãi ngân hàng của bà L bao nhiêu, chỉ biết trong giấy xác nhận bà L có ghi trả ngân hàng là 41.000.000 đồng.

Nay bố mẹ tôi yêu cầu bà L trả cho bố mẹ tôi số tiền 95.000.000 đồng và lãi suất ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS, tại phiên tòa HĐXX và đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476 BLDS năm 2005; Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Võ Xuân T và bà Nguyễn Thị Ngh.

Buộc bà Phạm Thị L trả cho ông Võ Xuân T và bà Nguyễn Thị Ngh số tiền 95.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án "*Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại Điều 26, Điều 35 BLTTDS.

[2] Về nội dung: Do quen biết nhau nên vợ chồng ông T và bà Phạm Thị L có cùng nhau vay vốn tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 160.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay trên vợ chồng ông Tthế chấp tài sản là Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 241181490 do UBND Tp. Buôn Ma Thuột cấp ngày 13/5/2010, thửa đất tại Thôn 8, xã Cư Êbur, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, mang tên Võ Xuân T. Khi ký hợp đồng vay vốn với ngân hàng thì vợ chồng ông Võ Xuân T là người đứng tên vay trong hợp đồng tín dụng. Trong khoản vay nói trên, theo thỏa thuận với bà L thì vợ chồng ông T vay 65.000.000 đồng, còn bà L vay 95.000.000 đồng. Ngày 30/6/2015 bà L có viết giấy vay tiền cho vợ chồng ông T vay số tiền 95.000.000 đồng lãi suất là 01%/tháng, hẹn trong thời hạn 01 năm thì trả (Phần này các đương sự xác nhận đã thanh toán xong) và tiếp tục vay tiếp của năm 2016. Ngày 07/7/2016 bà L có viết giấy vay tiền cho vợ chồng ông T số tiền 95.000.000 đồng lãi suất theo hợp đồng tín dụng ngày 08/7/2016, hẹn trong

thời hạn 01 năm thì trả. Từ khi vay vốn cho đến ngày 21/09/2017 vợ chồng ông Tđã trả toàn bộ tiền gốc là 160.000.000 đồng và lãi suất cho ngân hàng (Bao gồm trả cả phần nợ của bà L là 95.000.000 đồng). Như vậy đã quá thời hạn trả nợ theo giấy nhận nợ ngày 07/7/2016, bà L không trả nợ cho vợ chồng ông T như cam kết là vi phạm hợp đồng, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hoàn trả số tiền 95.000.000 đồng tiền gốc là có cơ sở cần chấp nhận theo quy định tại Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Xét về yêu cầu của bà L cho rằng đã trả 41.000.000 đồng tiền gốc trong số tiền 95.000.000 đồng, HĐXX nhận thấy tại giấy xác nhận ngày 13/8/2017, bà L có cầm số tiền 40.000.000 đồng để trả gốc cho vợ chồng ông T và yêu cầu xác nhận đã trả cho ông T và bà Ngh số tiền ngân hàng trong 03 năm từ 2014 đến 2016 số tiền là 41.000.000 đồng, tuy nhiên trong giấy xác nhận ghi tiền trả ngân hàng trong 03 năm là 41.000.000 đồng, tại giấy ngày 07/7/2016 bà L ghi nhận nợ là 95.000.000 đồng, như vậy số tiền này là tiền trả lãi ngân hàng chứ không phải tiền trả nợ gốc vì chứng cứ ngày 07/7/2016 bà L ghi nhận số nợ 95.000.000 đồng, do đó không có cơ sở để chấp nhận số tiền 41.000.000 đồng đã trả nợ gốc.

[3] Xét về lãi suất nguyên đơn yêu cầu lãi suất nên căn cứ Hợp đồng tín dụng số 5215 ngày 08/7/2016 để tính lãi quá hạn cụ thể như sau:

Số tiền 95.000.000 x 1,25 % x 07 tháng 15 ngày (từ ngày 22/09/2017 đến ngày 6/4/2018) = 8.905.500 đồng

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Võ Xuân T và bà Nguyễn Thị Ngh.

Buộc bà Phạm Thị L trả cho ông Võ Xuân T và bà Nguyễn Thị Ngh số 103.905.500 đồng (trong đó 95.000.000 đồng tiền gốc và 8.905.500 đồng tiền lãi suất).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị L phải chịu 5.195.275 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền 2.375.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông Võ Xuân T và bà Nguyễn Thị Ngh đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000095 ngày 17/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- L hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Viết Kiên